

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2017.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Quýnh, bà Trần Thị Liên.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị La- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 43/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên toà ngày 06/9/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1, Bà Phan Thị H, sinh năm 1954; Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2, Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1946; Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 02 năm 2006 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị và anh Đ thuê nhà ở thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương để làm cửa hàng sửa chữa xe máy và chung sống tại đó. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ mãi chơi, không chịu khó làm ăn, không chăm lo cho gia đình, chị đã nhiều lần khuyên bảo, động viên anh Đ nhưng anh Đ vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị đưa các con về nhà bố mẹ đẻ sống, còn anh Đ vẫn sống tại cửa hàng. Đến tháng 2/2012 anh Đ đi lao động tại Malaysia, vợ chồng xa cách nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Tháng 4/2016 anh Đ về nước nhưng cũng không về chung sống với chị mà về nhà bố mẹ đẻ anh Đ ở Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Chị và anh Đ vẫn thỉnh thoảng liên lạc với nhau nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Khoảng 1 tháng sau anh Đ bỏ đi đâu, làm gì chị không biết, thỉnh thoảng anh Đ gọi điện thoại về cho chị, chị vẫn động viên anh Đ về nhà để vợ chồng cùng làm ăn, nuôi dạy các con nhưng anh Đ không đồng ý, chị yêu cầu anh Đ cho chị biết địa chỉ nhưng anh Đ không cho, anh Đ còn nói nếu chị muốn ly hôn thì cứ nộp đơn đến Tòa án còn anh Đ sẽ không về cũng sẽ không cung cấp địa chỉ. Khi chị nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, chị có nói cho anh Đ biết và anh Đ nói rằng chị muốn ly hôn thì cứ nộp đơn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh Đ có liên lạc với chị và nói đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án và nói rằng anh Đ sẽ không về để giải quyết. Anh Đ vẫn liên lạc về cho bố mẹ đẻ của anh Đ nhưng cũng không cho biết gia đình biết địa chỉ.

Nay chị xác định vợ chồng sống xa cách quá lâu, anh Đ không có trách nhiệm với gia đình, tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được mâu thuẫn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày 19/02/2007 và Nguyễn Xuân H, sinh ngày 28/03/2010. Hiện nay cả hai con đang ở với chị, chị xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty E ở khu công nghiệp T, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương, thu nhập trung bình khoảng 8 triệu/tháng, chị và hai con đang ở cùng mẹ đẻ chị là bà Phạm Thị H. Điều kiện về nhà ở đảm bảo để chị nuôi con, thời gian chị đi làm vắng nhà mẹ chị vẫn hỗ trợ chị chăm sóc, đưa đón các con đi học. Hiện nay anh Đ ở đâu, làm gì chị không biết nên không đảm bảo

điều kiện để nuôi con, bản thân anh Đ cũng không có trách nhiệm với con, không gửi tiền về để chị nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Thị Thị L, Nguyễn Xuân H trình bày: Các cháu là con của mẹ H, bố Đ, hiện nay các cháu đang ở cùng mẹ ở nhà bà ngoại. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ là Phạm Thị H.

Người làm chứng:

Bà Phan Thị H trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị H. Anh Đ và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nguyên nhân là do công việc kinh doanh không hiệu quả, kinh tế khó khăn, anh Đ mãi chơi không tu chí làm ăn. Đầu năm 2012 anh Đ đi lao động ở Malaysia, thỉnh thoảng anh Đ gọi điện thoại về cho chị H nhưng bà thấy anh Đ và chị H thường xuyên cãi nhau qua điện thoại còn cụ thể mâu thuẫn như thế nào thì bà không rõ. Đến tháng 5/2014 anh Đ về nước, bà có động viên anh Đ ở nhà để vợ chồng cùng nhau làm ăn, nuôi dạy các con nhưng anh Đ nói rằng anh Đ không còn tình cảm với chị H nữa và bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã H, huyện N, Hải Dương, còn chị H và các con vẫn ở nhà bà. Kể từ đó anh Đ không về nhà, không quan tâm tới chị H và các con, hiện nay anh Đ đang ở đâu bà cũng không biết vì anh Đ không nói cho chị H và gia đình biết. Hiện nay chị H và các con đều ở cùng với bà, bà vẫn thường xuyên hỗ trợ chị H trông nom, chăm sóc các cháu.

Ông Nguyễn Xuân H, bà Đỗ Thị T trình bày: Ông, bà là bố đẻ của anh Nguyễn Xuân Đ. Chị H, anh Đ kết hôn năm 2006, quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn như thế nào thì ông bà không biết vì anh Đ, chị H không sống cùng ông bà. Tháng 02/2012 anh Đ đi lao động ở Malaysia đến tháng 5/2014 thì về nước, khi về nước anh Đ về ở tại nhà ông bà tại thôn V, xã H, huyện N. Được khoảng 1 tháng thì anh Đ lại tiếp tục đi Malaysia, còn địa chỉ cụ thể của anh Đ ông không rõ vì anh Đ không cung cấp cho gia đình biết, anh Đ vẫn thường xuyên gọi điện thoại về cho gia đình nhưng cũng không nói rõ địa chỉ của anh Đ. Lý do vì sao theo xác minh tại Cục xuất nhập cảnh không có thông tin xuất cảnh của anh Đ thì ông không rõ. Anh Đ biết việc Tòa án thụ lý vụ án hôn nhân gia đình theo đơn khởi kiện của chị H nhưng anh Đ không về được cũng không cho ông bà, chị H biết địa chỉ. Tòa án đã nhiều lần giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, văn bản tố tụng khác cho ông bà, yêu cầu ông bà thông báo cho anh Đ biết, ông bà đã thông báo lại khi anh Đ gọi

điện thoại về, anh Đ có nói không muốn bỏ vợ, bỏ con và không về tham gia tố tụng được.

Ông Hoàng Hữu T - Trưởng thôn V cung cấp: Anh Nguyễn Xuân Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, sau khi anh Đ, chị H kết hôn thì chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh Đ ở V, xã H được khoảng 1 năm thì thuê nhà và chung sống tại xã Đ, huyện N, sau đó anh Đ đi lao động ở nước ngoài, đến khoảng năm 2014-2015 thì anh Đ về nước và về sống cùng bố mẹ đẻ của anh Đ, còn chị H không về chung sống cùng anh Đ. Đến khoảng năm 2016 anh Đ đi vắng khỏi địa phương, ông không biết anh Đ đi đâu, làm gì vì anh Đ không báo cáo với thôn. Nghe thông tin từ bố mẹ đẻ anh Đ thì anh Đ đi lao động ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, còn thông tin của bố mẹ anh Đ cung cấp có đúng không, ông không biết. Về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn của chị H, anh Đ ông không rõ vì chị H, anh Đ không báo cáo để thôn hòa giải, chị H rất ít về nhà bố mẹ chồng. Về nghề nghiệp và thu nhập của anh Đ ông không rõ.

Theo Công văn trả lời của Cục xuất nhập cảnh - Bộ công an ngày 21/4/2017, ngày 26/6/2017: Người mang tên Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1980 đã sử dụng hộ chiếu B4940801 xuất cảnh lần đầu tiên ngày 12/2/2012 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài và sử dụng giấy thông hành số 012969 nhập cảnh ngày 27/04/2016 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, hiện chưa có thông tin xuất cảnh.

Theo xác minh tại UBND xã H, Công an xã H: Anh Nguyễn Xuân Đ hiện đăng ký HKTT thôn V, xã H, huyện N, Hải Dương. Về mâu thuẫn của chị H và anh Đ địa phương không rõ. Năm 2012 anh Đ đi lao động tại nước ngoài đến khoảng tháng 4/2016 thì về nước và về cư trú tại thôn V, xã H, huyện N, Hải Dương. Hiện nay anh Đ đang ở đâu, làm gì địa phương không rõ vì anh Đ không khai báo tạm trú, tạm vắng. UBND xã đã nhiều lần nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án đề nghị UBND xã tổng đạt cho anh Đ, UBND xã đã cử cán bộ đến giao cho bố mẹ của anh Đ. Hiện nay anh Đ làm nghề gì, thu nhập như thế nào địa phương không rõ.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Phạm Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Đ đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ. Về con chung chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị; Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H ly hôn anh Đ; về con chung: Giao cho chị H tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Thị Thúy L, Nguyễn Xuân H, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tài liệu xác minh tại Cục xuất nhập cảnh - Bộ công an xác định anh Nguyễn Xuân Đ đã nhập cảnh về Việt Nam ngày 27/04/2016, hiện chưa có thông tin xuất cảnh. Tài liệu xác minh tại Công an xã H; tại thôn V, lời khai của nguyên đơn, những người làm chứng đều xác định: khi hết thời hạn lao động ở Malaysia, tháng 4/2016 anh Đ về Việt Nam sống cùng bố mẹ đẻ ở thôn V, xã H, huyện N, Hải Dương và đến nay anh Đ vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại đó; Hiện nay anh Đ đang ở đâu, làm gì không cho chị H và gia đình biết địa chỉ. Do đó không có căn cứ xác định anh Đ đang ở nước ngoài. Tòa án thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ thông qua bố mẹ đẻ anh Đ là ông Nguyễn Xuân H, bà Đỗ Thị T, ông H bà T xác định đã thông báo cho anh Đ biết về các văn bản tố tụng đó. Tòa án đã thực hiện niên yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Xuân Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng hạnh

phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không phù hợp về tính cách, lối sống, thường xuyên bất đồng quan điểm, anh Đ không chịu khó làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Năm 2012 anh Đ đi lao động tại Malaysia đến tháng 4/2016 thì về nước nhưng cũng không về chung sống cùng chị, sau đó anh Đ đi đâu, làm gì không thông báo cho chị biết. Khi anh Đ gọi điện về chị có động viên anh Đ về nhà để vợ chồng cùng làm ăn, nuôi dạy các con nhưng anh Đ vẫn không về, cũng không cho chị biết địa chỉ, không gửi tiền về cho chị, một mình chị phải nuôi con và gánh vác mọi công việc gia đình. Anh Đ biết việc chị gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng vẫn không về. Xét lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng, thời gian anh Đ không chung sống cùng chị H phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Phan Thị H, bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Xuân H. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau...HĐXX xét thấy, anh Đ chị H không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị H ly hôn anh Đ.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H, anh Đ có hai con chung là Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày 19/02/2007 và Nguyễn Xuân H, sinh ngày 28/03/2010. Chị H có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. HĐXX xét thấy, hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị H. Tại biên bản ghi lời khai (BL 51,52) cháu Nguyễn Thị Thúy L, cháu Nguyễn Xuân H trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Xét về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thấy chị H đều đảm bảo các điều kiện về thu nhập, chỗ ở cho việc nuôi dưỡng con chung, anh Đ không có nơi cư trú ổn định, không thể hiện quan điểm về con chung. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H giao con chung là Nguyễn Thị Thúy L, Nguyễn Xuân H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh Đ không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H xin ly hôn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày 19/02/2007 và Nguyễn Xuân H, sinh ngày 28/03/2010 cho chị Phạm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Xuân Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đổi trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AB/2014/008475 ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Đường sự;
- Cơ quan T.H.A. DS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy